

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/9/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tình.

2. Ông Lê Phúc Tiếng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia Phiên tòa: Ông Lê Viết Bình – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 307/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Q – Sinh năm 1996 (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Liên gia X, Tổ dân phố Y, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông P – Sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số M đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là số N đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Q trình bày có nội dung như sau:

Tôi (Q) và anh P tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/9/2018. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại số M đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là số N đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu tôi và anh P chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chúng tôi đã cố gắng hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Tôi và anh P đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay.

Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh P.

Về con chung: Tôi và anh P có hai con chung là cháu P1 – Sinh ngày 13/4/2019 và cháu Đ – Sinh ngày 27/4/2022.

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành, do hai cháu còn nhỏ và hiện hai cháu đang sống cùng với tôi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh P không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 13 tháng 9 năm 2022, bị đơn ông P trình bày có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (P) và cô Q tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/9/2018. Quá trình chung sống tôi và bà Q có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay tôi Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi đồng ý.

Về con chung: Tôi và cô Q có hai con chung là cháu P1 – Sinh ngày 13/4/2019 và cháu Đ – Sinh ngày 27/4/2022. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P1 cho đến tuổi trưởng thành, còn cháu Đ giao cho cô Q nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và cô Q không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của bà Q. Chấp nhận bà Q được ly hôn với ông P. Chấp nhận giao hai con chung là cháu P – Sinh ngày 13/4/2019 và cháu Đ – Sinh ngày 27/4/2022 cho bà Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Bà Q không yêu cầu ông P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn bà Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn ông P. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông P đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/9/2018 (Giấy chứng nhận kết hôn số 120 ngày 10 tháng 9 năm 2018). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà Q và ông P xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Q trình bày là do ông P không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, dẫn đến vợ

chồng thường xuyên cãi vã. Vì vậy, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 13 tháng 9 năm 2022, ông P cũng xác định, trong quá trình chung sống giữa ông P và bà Q phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông P đồng ý ly hôn với bà Q. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Q và ông P đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Q xin ly hôn với ông P, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung: Bà Q và ông P có hai con chung là cháu P1 – Sinh ngày 13/4/2019 và cháu Đ – Sinh ngày 27/4/2022. Bà Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 13 tháng 9 năm 2022, ông P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P1 cho đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên, ông P không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh khả năng kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, cháu P1 và cháu Đ còn nhỏ tuổi, hiện các cháu đang sống cùng với bà Q, bà Q cũng có thu nhập và nơi ở ổn định, đảm bảo cho việc nuôi dưỡng các con chung. Do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ, cần giao cháu P1 và cháu Đ cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q không yêu cầu ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng để nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q và ông P xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà Q đối với ông P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Q được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà Q và ông P có hai con chung là cháu P1 – Sinh ngày 13/4/2019 và cháu Đ – Sinh ngày 27/4/2022.

Giao hai con chung là cháu P1 – Sinh ngày 13/4/2019 và cháu Đ – Sinh ngày 27/4/2022 cho bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông P, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q không yêu cầu ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q và ông P xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012702 ngày 19 tháng 4 năm 2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường A, TP.BMT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương